

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM TÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-5-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Quang Sơn và bà Trần Thị Ngọc;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Trâm;

Ngày 26 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1974 (*Có mặt*)

Địa chỉ: 277 Nguyễn Huệ, Khu phố B, thị trấn T1, huyện H, tỉnh B

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn Duy T2**, sinh năm: 1970 (*Có mặt*)

Địa chỉ: 277 Nguyễn Huệ, Khu phố B, thị trấn T1, huyện H, tỉnh B

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:* Bà và ông T2 đăng ký kết hôn ngày 26/01/2010 tại Ủy ban nhân xã S, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông T2 thường xuyên đánh đập bà gây thương tích, sỉ nhục xúc phạm đến nhân phẩm danh dự của bà, bà đã chịu đựng để vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nay mâu thuẫn của vợ chồng bà ngày càng trở nên gay gắt nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Duy T2.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông T2 có 01 con chung là Nguyễn Duy T3, sinh ngày 19/9/2010. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu chia tài sản

chung là đất và tài sản trên đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG081240; Yêu cầu chia nợ chung, đối với khoản nợ chung 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Yêu cầu ông Thanh phải hoàn lại cho bà Thu số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) là số tiền bà T đứng ra vay giùm.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung. Về tài sản chung, nợ chung bà và ông T2 sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Trường hợp không thỏa thuận được sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

*Bị đơn là ông Nguyễn Duy T2 trình bày:* Ông và bà T đăng ký kết hôn ngày 26/01/2010 tại Ủy ban nhân xã S, trong quá trình chung sống ông và bà T có nhiều mâu thuẫn, nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà T có 01 con chung là Nguyễn Duy T3, sinh ngày 19/9/2010. Ông không đồng ý với yêu cầu của bà T về con chung, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với bà T về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung. Ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T2, bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thu về con chung, giao con chung Nguyễn Duy T3 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung. Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện*

*kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Duy T2, yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Duy T2 có nơi cư trú tại 277 Nguyễn Huệ, Khu phố B, thị trấn T1, huyện H, tỉnh B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung. Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam không yêu cầu giải quyết nợ chung của ông T2, bà T trong vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã có thông báo chấm dứt tư cách tố tụng là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông T2 và bà T đăng ký kết hôn ngày 26/01/2010 tại Ủy ban nhân xã S, huyện T4 trên cơ sở tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận khi sống chung các bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn được nữa, nên ông T2 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T2, ông T2 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông T2 có 01 con chung là Nguyễn Duy T3, sinh ngày 19/9/2010. Các đương sự đều yêu cầu được nuôi con chung, tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện nuôi con của các bên để đảm bảo quyền lợi, và sự phát triển mọi mặt của con chưa thành niên.

Xét, ông T2 là Dược sỹ, bà T là Nhân viên y tế, cả hai người đều là những người có thu nhập, nơi ở ổn định, như vậy, về mặt vật chất các bên đều có đủ điều kiện để nuôi con.

Về mặt tinh thần, theo xác minh tại địa phương thể hiện ông T2 thường xuyên say xỉn và đánh đập bà T, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi bạo lực gia đình, có lần vì ghen tuông ông T2 còn đánh người khác. Ngoài ra, ngày 24/3/2021 ông T2 nhậu say khóa cửa nhà nên cháu T3 không vào nhà

được, cháu phải đi bộ quãng đường 05km đến nhà bà ngoại, quá trình tìm kiếm cháu T3 thì ông T2 cũng không cùng tham gia, chỉ có bà T và chính quyền địa phương tham gia tìm kiếm. Tại phiên tòa ông T2 cũng thừa nhận bản thân có nhậu nhẹt, đánh bài nhưng đó chỉ là giữa anh em vui chơi với nhau, việc đánh đập bà T ông T2 thừa nhận có đánh bà T nhưng không nghiêm trọng. Đối với sự việc xảy ra vào ngày 24/3/2021, ông T2 thừa nhận có việc cháu T3 đi ra ngoài chơi, không rõ sao lại đi bộ đến nhà bà ngoại, lúc tìm kiếm thì ông T2 chỉ đi tìm xung quanh nhưng không có kết quả, vì đã say nên ông đi về nhà ngủ và nhờ anh trai bà T cùng đi tìm kiếm với bà T.

Ông T2 cho rằng bà T là người có lối sống thiếu chuẩn mực nên không đủ điều kiện nuôi con, tuy nhiên, bản thân ông T2 cũng thừa nhận những video ông cung cấp cho Tòa án để làm chứng cứ chỉ được quay trong phòng ngủ bà T ngoài ra không có nơi nào khác, và chỉ có bà T trong video, ngoài ra không có người nào khác. Về vấn đề này, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được cung cấp rằng bà T là người luôn chí thú làm ăn, từ trước đến nay không có điều tiếng xấu gì.

Về thời gian làm việc, ông T2 cho rằng mình kinh doanh quầy thuốc tây tại nhà nên có nhiều thời gian để chăm sóc con hơn bà T, tuy nhiên, theo xác minh tại địa phương thể hiện ông T2 thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn nên mặc dù có nhiều thời gian rảnh nhưng việc ông T2 thường xuyên say xỉn sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc cháu T3. Hơn nữa, bản thân ông T2 cũng thừa nhận có nhậu nhẹt nhưng chỉ nhậu trong thời gian đợi đưa đón con đi học, khi con học xong thì ông đón con về trong tình trạng đã uống rượu bia.

Như vậy, các bên đều có đủ điều kiện vật chất để chăm sóc con chung, nhưng về mặt tinh thần, nếu giao cháu T3 cho ông T2 nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển và hình thành tâm sinh lý của cháu về lâu dài. Căn cứ vào hoàn cảnh thực tế, điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung về mọi mặt của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung Nguyễn Duy T3 cho bà T nuôi dưỡng. Việc giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo được sự phát triển mọi mặt của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu chia tài sản chung là đất và tài sản trên đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG081240; Yêu cầu chia nợ chung, đối với khoản nợ chung 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Yêu cầu ông T2 phải hoàn lại cho bà T số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) là số tiền bà T đứng ra vay giùm.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã có đơn xin rút đối với yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên ý kiến rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung, bà trình bày về tài sản chung, nợ chung bà và ông T2 sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Trường hợp không thỏa thuận được sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Bị đơn không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung và thống nhất với bà T về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung. Cũng trong quá trình giải quyết, Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn không yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân của ông T2, bà T tại Ngân hàng.

Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung của bà T là hoàn toàn tự nguyện, do đó, cần đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn của bà T.

[3] Về chi phí tố tụng: Vì nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp đủ.

[3] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với án phí liên quan đến tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn, vì nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 244, Điều 246 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Nguyễn Duy T2 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Duy T2.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy T3, sinh ngày 19/9/2010.

Ông Nguyễn Duy T2 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và nợ chung của nguyên đơn, cụ thể: Yêu cầu chia tài sản chung là đất và tài sản trên đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG081240; Yêu

cầu chia nợ chung đối với khoản nợ chung 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; Yêu cầu ông T2 phải hoàn lại cho bà Thu số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) là số tiền bà T đứng ra vay giùm.

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

**4. Về chi phí tố tụng:** Bà T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 3.000.000đ. Bà T đã nộp đủ.

**5. Án phí:** Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009304 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà T số tiền 19.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009304 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Trang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Trang**







**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Trang**







